UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HT, TĐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

P. Nguyễn Đại Năng, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Thực hiện dự án Trung tâm dịch vụ logistics, cảng xăng dầu và hàng hóa, kho xăng dầu và khu dịch vụ thương mại, tại xã Minh Hòa, thị xã Kinh Môn (nay là phường Nguyễn Đại Năng, thành phố Hải Phòng)

STT	Họ và tên	Diện tích (m^2)	Tổng tiền BT, HT (đồng)	Tiền bồi thường, hỗ trợ (VNĐ)					Ghi chú
				Về đất (chi phí đầu tư vào đất)	Về tài sản là nhà, công trình xây dựng	Về tài sản là cây cối, hoa màu	Về tài sản là vật nuôi	Chi phí đào ao nuôi thuỷ sản	
Ngoài đê									
1	Trương Văn Đỉnh - Đỗ Thị Thoang	1.612,0	**332.117.000**	40.447.000	169.292.000	8.151.000	2.240.000	111.987.000	Ngoài đê
2	Trương Văn Tuấn - Phạm Thị Thuý	1.996,0	**533.566.000**	178.343.000	274.768.000	11.323.000	1.686.000	67.446.000	Ngoài đê
3	Phạm Văn Giang - Trương Thị Thắm	1.397,0	**489.634.000**	93.390.000	303.657.000	14.497.000	2.466.000	75.624.000	Ngoài đê
4	Phạm Văn Huy - Bùi Thị Hanh	1.368,0	**366.930.000**	64.691.000	169.559.000	12.185.000	3.510.000	116.985.000	Ngoài đê
5	Trương Văn Nghi - Phạm Thị Đệ	1.162,0	**553.399.000**	127.820.000	399.855.000	25.724.000			Ngoài đê
6	Bùi Văn Hoà - Phạm Thị Thuỷ	1.109,0	**564.588.000**	121.990.000	432.182.000	10.416.000			Ngoài đê
7	Nguyễn Văn Phong - Vũ Thị Giỏi	2.459,4	**492.547.000**	81.521.000	136.701.000	39.777.000	7.732.000	226.816.000	Ngoài đê
	Nguyễn Văn Phong - Vũ Thị Giỏi	2.897,3	**921.372.000**	318.703.000	598.957.000	3.712.000			Ngoài đê
8	Bùi Thị Bận	1.513,0	**579.258.000**	59.917.000	420.790.000	8.499.000	2.905.000	87.147.000	Ngoài đê
	Bùi Thị Bận	2.582,0	**305.740.000**	284.020.000	387.000	21.333.000			Ngoài đê

9	Phạm Văn Chang - Bùi Thị Hồng	2.837,0	**805.000.000**	203.313.000	455.164.000	15.506.000	2.966.000	128.051.000	Ngoài đê
	Phạm Văn Chang - Bùi Thị Hồng	1.912,0	**215.180.000**	210.320.000	423.000	4.437.000			Ngoài đê
10	Vũ Văn Huy - Trần Thị Thơm	2.244,0	**439.030.000**	177.914.000	149.432.000	33.672.000	2.820.000	75.192.000	Ngoài đê
11	Bùi Thị Lề	3.141,0	**1.926.313.000**	345.510.000	1.577.479.000	3.324.000			Ngoài đê
12	Trương Văn Trái - Bùi Thị Mơ	1.347,0	**483.878.000**	127.600.000	319.776.000	13.220.000	842.000	22.440.000	Ngoài đê
Cộng tổng		**29.576,7**	**9.008.552.000**	**2.435.499.000**	**5.408.422.000**	**225.776.000**	**27.167.000**	**911.688.000**	